

Số: /BC-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

Tổng kết thực hiện Đề án Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 02/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025”; Kế hoạch số 2805/KH-BGDĐT ngày 15/8/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thực hiện Đề án “Tăng cường chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025; Quyết định số 5006/QĐ-BGDĐT ngày 31/13/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch Giai đoạn 2 thực hiện Đề án “Tăng cường chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025” trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ; Kế hoạch số 439/KH-BGDĐT ngày 14/4/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tổng kết Đề án "Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025"; Công văn số 2055/BGDĐT-GDPT về việc hướng dẫn Tổng kết thực hiện Đề án Tăng cường tiếng Việt cho HSTH vùng DTTS giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025 (sau đây gọi tắt là Đề án 1008).

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 219/TTr-SGDĐT ngày 21/7/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La Báo cáo tổng kết thực hiện Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025 trên địa bàn tỉnh với nội dung như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Về điều kiện tự nhiên

Sơn La là tỉnh miền núi, biên giới phía Tây Bắc, diện tích tự nhiên 14.108,89 km²; có 274,065 km đường biên giới giáp với hai tỉnh Hòa Phấn và Luông Pha Bang nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; dân số trên 1,4 triệu người với 12 dân tộc sinh sống, tỷ lệ dân tộc thiểu số chiếm 83,9% (1.178.502/1.404.587 người).

Tỉnh có 67 xã, 08 phường với 2.233 bản, tiểu khu, tổ dân phố (*trong đó có 1.278 bản đặc biệt khó khăn*); có 13 xã biên giới với 262 bản (*trong đó có 70 bản tiếp giáp biên giới*).

2. Tình hình kinh tế - xã hội

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, đúng hướng và phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế của tỉnh, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tốt, phát huy lợi thế của tỉnh về cây ăn quả trên đất dốc. Công nghiệp phát triển. Về lĩnh vực giáo dục: Đến năm 2024, trên địa bàn các xã trong vùng biên giới có 103 trường mầm non và 168 trường phổ thông. Chất lượng giáo dục đang dần được nâng lên, đội ngũ giáo viên từng bước được chuẩn hoá, cơ sở vật chất được cải thiện. Tuy nhiên số lượng giáo viên còn thiếu, cơ sở, trang thiết bị, đồ dùng giảng dạy còn nhiều thiếu thốn, nhiều nhà tạm, nhà bán kiên cố đã và đang xuống cấp nên chưa đáp ứng được yêu cầu... Các trường còn gặp nhiều khó khăn trong vận động các em đến tuổi đi học đến trường (*nhất là trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ*).

II. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tình hình ban hành kế hoạch, văn bản, chính sách của địa phương

Căn cứ Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 02/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 120/KH-UBND về thực hiện Đề án “*Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng DTTS tỉnh Sơn La giai đoạn 2017-2020, định hướng đến 2025*”; Kế hoạch số 152/KH-UBND ngày 31/5/2022 của UBND tỉnh về triển khai giai đoạn 2 thực hiện Đề án “*Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025*” trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ; Nghị quyết số 61/2023/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh Sơn La về chính sách hỗ trợ giáo viên tiểu học dạy tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số lớp 1, 2, 3 thuộc xã khu vực III và các bản đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực II, khu vực I trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2025.

Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án phù hợp với điều kiện thực tiễn của đơn vị theo giai đoạn và trong từng năm học, trong đó lồng ghép các nội dung triển khai thực hiện Đề án Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số (DTTS) trên địa bàn của huyện.

UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định về việc giao dự toán thu, chi ngân sách hằng năm, chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các Phòng Giáo dục và Đào tạo triển khai kịp thời, đầy đủ văn bản quản lý nhà nước về giáo dục mầm non, tiểu học trên địa bàn. Triển khai thực hiện nghiêm túc các kế hoạch, nhiệm vụ

trọng tâm hằng năm đặc biệt là công tác tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số; nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non, tiểu học; triển khai các chính sách đẩy mạnh xã hội hóa, tích cực huy động mọi tổ chức, cá nhân tham gia tập trung đầu tư phát triển giáo dục mầm non, tiểu học ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; tổ chức thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách của nhà nước, của tỉnh đối với phát triển giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học; chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, trẻ mầm non và học sinh tiểu học. Thực hiện hiệu quả các chính sách của tỉnh đối với giáo viên mầm non, tiểu học; thực hiện giáo dục song ngữ; tiếp tục duy trì và thực hiện có hiệu quả việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học người DTTS trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ; tập trung các chính sách ưu tiên đối với giáo viên công tác tại vùng khó khăn như Nghị định số 105/NĐ-CP ngày 08/9/2020 quy định chính sách phát triển giáo dục Mầm non; Nghị quyết số 61/2023/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh Sơn La về chính sách hỗ trợ giáo viên tiểu học dạy tăng cường tiếng việt cho học sinh dân tộc thiểu số lớp 1, 2, 3 thuộc xã khu vực III và các bản đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực II, khu vực I trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2025; kinh phí từ ngân sách nhà nước đã sử dụng cho Đề án với số tiền **160,5 tỷ đồng**.

(có biểu số liệu chi tiết tại phụ lục 1d đính kèm).

2. Công tác truyền thông

- Chỉ đạo Ngành Giáo dục tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt mục đích, ý nghĩa và sự cần thiết của Đề án tăng cường tiếng Việt tới các cấp uỷ, chính quyền, CBQL (CBQL) giáo dục, giáo viên mầm non (GVMN), giáo viên tiểu học (GVTH), các bậc cha mẹ và cộng đồng vùng đồng bào DTTS của tỉnh; thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua các cuộc họp tổ/bản, họp cha mẹ học sinh, qua góc tuyên truyền tại trường/lớp, các lễ hội, hội thi trong trường mầm non, trường tiểu học. Phối hợp sâu rộng với cha mẹ trẻ tại gia đình thường xuyên giao tiếp, nói chuyện, kể chuyện cho trẻ nghe, kèm cặp trẻ phát âm bằng Tiếng việt, hạn chế nói tiếng mẹ đẻ tại gia đình.

- Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền tăng cường tiếng Việt cho trẻ em DTTS như đưa tin, bài, phóng sự, ký sự, chuyên mục, chuyên đề gắn với cuộc sống của đồng bào DTTS; phát huy tối đa vai trò các phương tiện thông tin đại chúng như báo hình, báo giấy, báo điện tử, đặc biệt là trên hệ thống truyền thanh cơ sở trong công tác truyền thông về tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người DTTS; chủ động phối hợp với Báo Sơn La, Đài Phát thanh - Truyền hình Sơn La thường xuyên đưa tin về các hoạt động giáo dục trong tỉnh; ngày 20 hàng tháng trên sóng STV Sơn La phát chuyên mục về giáo dục và đào tạo; tuyên truyền về công tác khai giảng năm học mới và ngày “*Toàn dân đưa trẻ đến trường*” và thực hiện đổi

mới kiểm tra, đánh giá. Cơ quan quản lý và các cơ sở giáo dục chủ động phối hợp với các tổ chức đoàn thể hỗ trợ các bậc phụ huynh chủ động tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học qua việc tạo môi trường giao tiếp, tích cực tham gia các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động lễ hội tại tổ/bản nơi trẻ sinh sống.

- Kết quả:

Trong giai đoạn 2016-2025 tỉnh Sơn La đã có 50 phóng sự về chuyên đề tăng cường tiếng Việt của trẻ em dân tộc thiểu số; 12 ký sự về các hoạt động của trẻ tại các trường mầm non, tiểu học được phát sóng trên VTV1, VTV3, trang Thông tấn xã Việt Nam, trang tin Thời sự TV. Ngoài ra, 100% các huyện, thành phố, thị xã tổ chức hoạt động “*Ngày hội giao lưu kể chuyện, đọc thơ bằng tiếng Việt cho trẻ DTTS*”, tùy theo điều kiện địa phương vùng miền, các đơn vị tổ chức theo cụm trường, cụm liên trường và huyện; có 32 video dạy học về tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, tiểu học người dân tộc thiểu số được các trường mầm non đưa lên Website của trường và trên mạng Youtube.

Với mục tiêu tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học người DTTS, bảo đảm các em có kỹ năng cơ bản trong việc sử dụng tiếng Việt để hoàn thành chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục tiểu học; tạo tiền đề để học tập, lĩnh hội tri thức của các cấp học tiếp theo; góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển bền vững vùng đồng bào các DTTS, đóng góp vào sự tiến bộ, phát triển của đất nước.

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố triển khai tới các đơn vị trường học đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về mục đích, ý nghĩa và sự cần thiết của Đề án nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, các bậc cha mẹ, học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và cộng đồng đối với việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học người DTTS. Thiết kế và triển khai các chuyên mục, chuyên trang trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm hỗ trợ cho cha, mẹ trẻ và cộng đồng trong việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ em bằng nhiều hình thức như thông qua các buổi họp phụ huynh, loa đài phát thanh của bản, xã; góc truyền thông tại nhóm, lớp, nhà trường; các hoạt động ngoại khóa, lễ hội tổ chức tại các điểm trường; phối hợp với các trường bản để tuyên truyền tại các buổi họp, sinh hoạt thôn, bản, các trang Facebook, Fanpage, Zalo, cổng thông tin điện tử của Ngành Giáo dục và Đào tạo. 100% các đơn vị trường học trong tỉnh đã tuyên truyền, hỗ trợ các bậc cha, mẹ trong việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ em. Sử dụng nguồn tài liệu của Bộ, của tỉnh về tăng cường tiếng Việt để bồi dưỡng, tập huấn cho cha, mẹ trẻ em là người DTTS, thường xuyên nói chuyện, giao tiếp, chơi với trẻ; khuyến khích phụ huynh

tham gia vào các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ do trường tổ chức góp phần xây dựng môi trường tiếng Việt tại gia đình và cộng đồng. Vận động các gia đình người DTTS tạo điều kiện cho con em đến trường, lớp và học 2 buổi/ngày, bảo đảm và duy trì tỷ lệ chuyên cần. Ngành Giáo dục đã tích cực phối hợp với cùng các sở, ban, ngành, các tổ chức đoàn thể vận động các gia đình người dân tộc thiểu số cho trẻ đến trường nhằm đảm bảo tỷ lệ huy động trẻ ra lớp, tỷ lệ chuyên cần đồng thời để trẻ có nhiều cơ hội, thời gian tăng cường tiếng Việt.

3. Việc tăng cường học liệu, trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi; xây dựng môi trường tiếng Việt

Để thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 03/7/2017 của UBND tỉnh Sơn La về triển khai thực hiện Đề án “*Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số tỉnh Sơn La giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025*”; Kế hoạch số 152/KH-UBND ngày 31/5/2022 của UBND tỉnh về triển khai giai đoạn 2 thực hiện Đề án “*Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025*”; Căn cứ vào hệ thống văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về hướng dẫn sử dụng các thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi trong các cơ sở giáo dục, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tích cực tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các Kế hoạch, Đề án, Chính sách về Giáo dục-Đào tạo, tổ chức triển khai thực hiện mua sắm, quản lý sử dụng thiết bị trường học, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển Giáo dục và Đào tạo trong toàn tỉnh¹. UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các Phòng Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các đơn vị trường học trong tỉnh tích cực trong công tác tham mưu với các cấp, các ngành, quan tâm hỗ trợ đầu tư đủ nguồn tài liệu, học liệu cho giáo viên và trẻ; chỉ đạo các nhà trường khai thác sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, đặc biệt là các phương tiện hỗ trợ phát triển kỹ năng nghe, nói, làm quen với việc đọc viết tiếng Việt, giúp hỗ trợ, phát triển tốt khả năng sử dụng tiếng Việt ở trẻ; thường xuyên tổ chức rà soát, bổ sung học liệu, tài liệu có nội dung tăng cường tiếng Việt cho trẻ. Tiếp tục chỉ đạo các cơ sở giáo dục sử dụng cuốn tài liệu chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ vùng dân tộc thiểu số được Bộ Giáo dục và Đào tạo tập huấn hàng năm.

Chỉ đạo các đơn vị giáo dục tăng cường học liệu, trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi; xây dựng môi trường tiếng Việt thông qua tổ chức rà soát thực trạng học liệu, trang thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi cho trẻ em trong các cơ sở GDMN, GDTH thuộc vùng DTTS của tỉnh; trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung, thay thế và cung cấp đồ dùng, đồ chơi trang thiết bị trong và ngoài lớp học, đồ

¹ Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 phê duyệt Đề án tăng cường đầu tư cơ sở vật chất thực hiện Chương trình GDMN và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025.

dùng đồ chơi tối thiểu phục vụ cho công tác chăm sóc-nuôi dưỡng-giáo dục trẻ theo quy định. Phát động phong trào tự làm đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tới toàn thể đội ngũ CBQL và giáo viên; khuyến khích các bậc cha mẹ trẻ và cộng đồng có con/cháu độ tuổi mầm non cùng sưu tầm nguyên vật liệu để làm đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học bổ sung, trang bị thêm cho các nhóm lớp mầm non thuộc vùng DTTS để hỗ trợ công tác tăng cường tiếng Việt cho trẻ em DTTS đảm bảo thiết thực.

- Kết quả

+ *Giáo dục mầm non*: 217 trường mầm non được đầu tư trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi (đạt 100%); có 78,5% nhóm/ lớp đủ trang thiết bị đồ dùng đồ chơi phục vụ các hoạt động tăng cường tiếng Việt.

+ *Giáo dục tiểu học*: Cơ sở vật chất được cải thiện, số trường tiểu học có đủ đồ dùng theo quy định đạt 90%; số học sinh được học theo các tài liệu hướng dẫn tăng cường tiếng Việt cho học sinh tiểu học (HSTH) vùng DTTS (100%); số trường tiểu học có nhà bếp phục vụ bán trú (71,6%); trường có thư viện đạt chuẩn (46,6%), điểm trường có tủ sách lưu động/tủ sách lớp học (68%); trường tiểu học được kết nối mạng Internet (98,3%).

100% các huyện/thành phố/thị xã có cơ sở giáo dục xây dựng mô hình tăng cường tiếng Việt cho trẻ DTTS và duy trì tốt môi trường tiếng Việt trong và ngoài lớp học đa dạng, phong phú tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm và trau dồi vốn tiếng việt; tận dụng các điều kiện cơ sở vật chất sẵn có tại trường để giao nhiệm vụ cho trẻ em, khuyến khích trẻ tích cực giao tiếp, tương tác với các bạn, cô giáo và người lớn bằng tiếng Việt nhằm giúp trẻ tự tin, mạnh dạn trong giao tiếp chuẩn bị tâm thế vào lớp Một.

100% Các đơn vị trường học trong tỉnh đã thực hiện tốt công tác tăng cường tiếng Việt cho học sinh vùng dân tộc thiểu số đảm bảo cho học sinh đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng môn tiếng Việt của từng khối lớp; xây dựng môi trường giao tiếp tiếng Việt cho học sinh qua các hoạt động dạy học tiếng Việt trong các môn học và hoạt động giáo dục; tổ chức ngày hội đọc, thi kể chuyện, giao lưu “*Tiếng Việt của chúng em*”; tham gia thi “*Trạng Nguyên tiếng Việt*” trên internet...

Tính đến năm học 2024-2025, toàn tỉnh có 178 trường, 1944 giáo viên dạy tăng cường tiếng Việt lớp (*lớp 1, lớp 2, lớp 3*) vùng đặc biệt khó khăn được hưởng chế độ chính sách hỗ trợ cho giáo viên dạy tăng cường tiếng Việt theo Nghị quyết số 61/2023/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh Sơn La.

Trong giai đoạn 2021-2025, đã thực hiện mua sắm thiết bị cho các trường thuộc xã, bản xây dựng xã, bản đạt chuẩn nông thôn mới, trường xây dựng đạt chuẩn quốc gia và trường đã đạt chuẩn quốc gia.

(có biểu số liệu chi tiết tại phụ lục 2e đính kèm).

4. Công tác nâng cao năng lực đội ngũ

UBND tỉnh đã quan tâm chỉ đạo Ngành Giáo dục tăng cường, chú trọng bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non và tiểu học trên địa bàn tỉnh tập trung vào nội dung bồi dưỡng về đạo đức nghề nghiệp, ý thức chấp hành các quy định đạo đức nhà giáo, phương pháp rèn luyện và xây dựng phong cách nhà giáo phù hợp với chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, chuẩn hiệu trưởng đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non và xu thế hội nhập quốc tế. Ngành Giáo dục đã làm tốt công tác chỉ đạo cấp học mầm non tích cực đổi mới phương pháp bồi dưỡng theo hướng phát huy tính tích cực, tăng cường tự học, tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng và phát triển năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, đặc biệt tại những vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, các bản biên giới. Đa dạng hoá các hình thức học tập, bồi dưỡng thường xuyên của giáo viên và cán bộ quản lý, tăng cường thực hành trải nghiệm trong quá trình bồi dưỡng.

Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học tại các cơ sở GDMN&GDTH, khuyến khích giáo viên, cán bộ quản lý viết sáng kiến kinh nghiệm về nâng cao năng lực, kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm, phương pháp giáo dục, chia sẻ thực tiễn, cách làm hay đạt hiệu quả trong bồi dưỡng giáo viên.

Hàng năm, chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu thực hiện kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán cấp tỉnh nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ cốt cán cấp tỉnh, phát huy cao độ vai trò trong công tác chuyên môn của ngành, bồi dưỡng, hỗ trợ đồng nghiệp nhằm nâng cao chất lượng, năng lực giáo viên, cán bộ quản lý cấp mầm non, tiểu học.

- Cấp Mầm non: Tính đến thời điểm báo cáo, tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên toàn cấp học mầm non có 7.007 người (*trong đó có 623 cán bộ quản lý, 5990 giáo viên, 394 nhân viên*). Đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019: có 6.796 CBQL giáo viên mầm non đạt 97% (*trong đó trên chuẩn có 6.096 CBGV đạt 87%*), CBGV có trình độ đào tạo dưới chuẩn còn 3,4%. Tỷ lệ giáo viên/lớp đạt 1,6.

- Cấp Tiểu học: Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên 8180. Cán bộ quản lý: 404, trong đó Hiệu trưởng (*Thạc sỹ 10,5% , Đại học 89,5%*); Phó hiệu trưởng (*Thạc sỹ 2,1%, Đại học 97,6%, Cao đẳng 0,3%*). Có 7415 giáo viên tiểu học, trong đó: Thạc sỹ 0,3%; Đại học 86%; Cao đẳng 11,2%; Trung cấp 2,5%. Tỷ lệ GV/lớp: 1.37 giáo viên/lớp.

(có biểu số liệu chi tiết tại phụ lục 2c,2d đính kèm).

- Chỉ đạo các địa phương thực hiện nghiêm túc thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên kết hợp lồng ghép với các lớp tập huấn modul ưu tiên, nâng cao về “*giáo dục phát triển ngôn ngữ*”, qua đó giúp giáo viên nắm nội dung và phương pháp giáo dục lấy trẻ làm trung tâm trong giáo dục phát triển ngôn ngữ và tăng cường tiếng Việt theo hướng lồng ghép, tích hợp chủ đề, để hình thành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Việt cho trẻ; trong đó chú trọng việc bồi dưỡng tại trường và vai trò tự học của giáo viên. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục khuyến khích, tạo điều kiện, bố trí cho giáo viên đi học các lớp bồi dưỡng tiếng dân tộc (*Thái, Mông*) ngoài giờ, để hỗ trợ GV nâng cao chất lượng tăng cường tiếng Việt cho trẻ em vùng DTTS.

- Chỉ đạo các địa phương xây dựng Kế hoạch chỉ đạo các đơn vị giáo dục tổ chức triển khai linh hoạt, phù hợp với thực tiễn về phát triển ngôn ngữ, tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học. Tiếp tục chỉ đạo giáo viên căn cứ vào khung chương trình và tình hình thực tế để tăng thời lượng dạy tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học còn hạn chế tiếng Việt. Sử dụng đa dạng các tình huống dạy trẻ giao tiếp bằng tiếng Việt, đặc biệt là trẻ mầm non, học sinh tiểu học là dân tộc ít người (*Mông, Khơ mú, La ha, Xinh mun, Lào, Kháng, Dao*). Đối với các trường tiểu học không thể tổ chức dạy học tăng buổi trong tuần hoặc dạy học 2 buổi/ngày cho học sinh lớp Một, thực hiện điều chỉnh nội dung, thời lượng dạy học của các môn học khác để tập trung dạy học tiếng Việt cho học sinh.

- Tích hợp dạy học tiếng Việt vào các môn học và hoạt động giáo dục ở tất cả các khối lớp học khi dạy tăng cường tiếng Việt, giáo viên quan tâm chú ý rèn kỹ năng dạy trẻ nói câu đầy đủ, phù hợp với bảng từ, chú trọng sửa lỗi cho trẻ ở những từ phát âm khó, sửa tật nói ngọng, rèn cho trẻ tự tin trong giao tiếp tiếng Việt. Khuyến khích giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin trong việc dạy và học, sử dụng tương đối thành thạo các tiện ích, phần mềm, tư liệu, hình ảnh để nâng cao hiệu quả dạy học tiếng Việt. Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo để tạo sân chơi và môi trường giao tiếp tiếng Việt cho trẻ.

5. Công tác xã hội hóa và hợp tác quốc tế

UBND tỉnh đã chỉ đạo các huyện/thành phố/thị xã làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục, tích cực triển khai phối hợp huy động sự tham gia đóng góp nguồn lực của các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác để hỗ trợ tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người DTTS. Nhận thức của các cấp uỷ đảng, chính quyền và nhân dân về giáo dục tiếp tục được nâng lên. Sự phối hợp giữa ngành giáo dục với các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức, cá nhân ngày càng hiệu quả trong việc thực hiện Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số.

Chỉ đạo lực lượng cán bộ, chiến sỹ bộ đội biên phòng tham gia vào các buổi ngoại khóa của học sinh, các hoạt động trải nghiệm. Huy động các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân đóng góp kinh phí, sách vở, tài liệu, học liệu, đồ dùng đồ chơi hỗ trợ việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người DTTS.

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục mầm non và tiểu học chủ động trong việc huy động các nguồn lực của các tổ chức, cá nhân trong nước để tăng cường cơ sở vật chất, các trang thiết bị giúp các nhóm, lớp tại các điểm bản khó khăn thực hiện tốt việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ. Tổ chức cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi giao lưu với học sinh trường tiểu học trên cùng địa bàn, tham gia hoạt động trải nghiệm, hội thi..., phối hợp với các bậc cha mẹ trẻ, trường bản sưu tầm các tác phẩm văn học dân gian (*truyện, thơ, câu đố, các bài hát ru, đồng dao, ca dao, trò chơi dân gian...*) của người dân tộc thiểu số phù hợp để sử dụng trong các đơn vị; khuyến khích các bậc cha mẹ trẻ, các tổ chức đóng góp đồ dùng, đồ chơi, vật dụng quen thuộc trong sinh hoạt hàng ngày, cung cấp các đường link, tài liệu, học liệu, ứng dụng bài giảng Elearning để phối hợp tổ chức thực hiện tốt các hoạt động tăng cường tiếng Việt cho trẻ.

Chỉ đạo UBND huyện, thành phố, thị xã hướng dẫn Phòng Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các đơn vị trường học tăng cường các giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ; tuyên truyền, phổ biến đầy đủ các thông báo tuyển sinh học đại học, thạc sỹ ở nước ngoài; tham gia các cuộc thi quốc tế như viết thư UPU, Stem, vẽ tranh, Toán học...; tuyên truyền, phổ biến nội dung cơ bản của Công ước quốc tế về các quyền dân sự chính trị trên địa bàn tỉnh... Trong năm học, có 01 học sinh đạt 02 huy chương Vàng - International Stem Olympiad Quốc tế về môn Toán và môn Khoa học.

III. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC/SO SÁNH VỚI MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN/KẾ HOẠCH

1. Đối với giáo dục mầm non

Tại thời điểm báo cáo tháng 6/2025, đã huy động trẻ em DTTS dưới 3 tuổi đến nhà trẻ **14.478/37.056**, đạt tỷ lệ **39,07%** (*tăng 9,07% so với chỉ tiêu tỉnh*); trẻ DTTS 3-5 tuổi đi học mẫu giáo **3.904/3.952**, đạt tỷ lệ **98,8%** (*tăng 1,8% so với chỉ tiêu tỉnh, chỉ tiêu thị xã*); trong đó tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi DTTS **1.407/1.407**, đạt **100%** (*tăng 5% so với Đề án 1008; tăng 0,3% so với chỉ tiêu của tỉnh; tăng 0,2% so với chỉ tiêu thị xã*); 100% trẻ em DTTS trong các trường mầm non được tập trung tăng cường tiếng Việt phù hợp theo độ tuổi (*đạt chỉ tiêu đề ra*).

Trong giai đoạn 2021-2025, có **2.460/2.460**, đạt **100%** lượt cán bộ quản lý, giáo viên dạy vùng DTTS được bồi dưỡng tiếng DTTS.

Có **20.404/20.404**, đạt **100%** lượt trẻ DTTS được đánh giá sự tiến bộ về khả năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Việt của trẻ.

100% trẻ DTTS được tác động của việc tăng cường tiếng Việt đến sự phát triển toàn diện của trẻ nhà trẻ 04 lĩnh vực phát triển, mẫu giáo 05 lĩnh vực phát triển (*nhận thức, tình cảm, kỹ năng xã hội,...*).

(có biểu số liệu chi tiết tại phụ lục 1a,1c,2a,2b đính kèm).

2. Đối với giáo dục tiểu học

Hằng năm, 100% học sinh tiểu học người DTTS ra lớp được tập trung tăng cường tiếng Việt bằng nhiều hình thức nhằm giúp các em đọc thông, viết thạo, đạt chuẩn kiến thức kỹ năng ở từng lớp học và duy trì bền vững khi lên học ở cấp trung học cơ sở (*đạt chỉ tiêu đề ra*).

Kết quả học tập môn tiếng Việt của học sinh DTTS được nâng lên, tuy nhiên do chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như điều kiện kinh tế-xã hội, môi trường sống, sự khác biệt ngôn ngữ và văn hóa... nên nhiều học sinh DTTS có kết quả học tập môn tiếng Việt còn hạn chế so với học sinh người Kinh. Tỷ lệ học sinh DTTS đạt yêu cầu ở môn tiếng Việt thường thấp hơn so với các môn khác. Học sinh còn khó khăn trong phát âm, sử dụng từ vựng và cấu trúc câu, kỹ năng viết và diễn đạt bằng tiếng Việt còn yếu, diễn đạt ý chưa rõ ràng, câu văn còn sai chính tả hoặc không trọn vẹn. Tỷ lệ học sinh DTTS hoàn thành chương trình tiểu học đảm bảo so với mục tiêu đặt ra.

IV. HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc

Sơn La là một tỉnh miền núi còn nhiều khó khăn, điều kiện về cơ sở vật chất của một số điểm trường chưa thật đảm bảo yêu cầu theo quy định (*diện tích lớp chưa đảm bảo, khó khăn trong việc trang trí, thiết kế góc học tập cho trẻ*); đồ dùng, đồ chơi thiết bị dạy học tối thiểu mặc dù đã được đầu tư nhưng vẫn chưa đảm bảo so với quy định. Môi trường sống và điều kiện để trẻ có cơ hội được giao tiếp bằng tiếng Việt ở một số địa phương còn hạn chế.

Đội ngũ CBQL, giáo viên đã được tăng cường về số lượng và chất lượng song chưa đáp ứng hết được yêu cầu đổi mới; cơ cấu, chất lượng đội ngũ đã được quan tâm song chưa đáp ứng về tỷ lệ giáo viên/lớp theo định mức; một số giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục song ngữ còn hạn chế.

Đa số các nhóm, lớp ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số đều dạy ghép 2 đến 3 độ tuổi nên nhận thức của trẻ không đồng đều. Do vậy, việc xây dựng kế hoạch, soạn giảng tăng cường tiếng việt và đánh giá chất lượng học sinh còn nhiều bất cập.

2. Nguyên nhân

Do điều kiện kinh tế - xã hội ở một số xã khó khăn, đặc biệt khó khăn đời sống người dân còn chưa đảm bảo do vậy chưa thực sự quan tâm đến việc phối hợp với nhà trường trong việc giáo dục tăng cường tiếng Việt cho trẻ.

Một bộ phận nhỏ cán bộ, giáo viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng ít quan tâm, thực hiện chưa tốt công tác phối hợp với nhà trường trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ; chưa tạo môi trường sử dụng tiếng Việt tại gia đình cho trẻ.

V. GIẢI PHÁP

Trong giai đoạn 2025-2030, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo; các sở, ban, ngành của tỉnh tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp như sau:

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng để nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên về Đề án tăng cường tiếng Việt giai đoạn, tập trung vào các nội dung: Mục tiêu, yêu cầu, kiểm tra đánh giá, đào tạo bồi dưỡng, rà soát đầu tư mua sắm, tuyên truyền phổ biến về ý nghĩa của Đề án; thực hiện giáo dục song ngữ; nêu cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên trong việc triển khai Đề án tăng cường tiếng Việt.

- Rà soát biên chế đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên dạy tăng cường tiếng Việt tại các điểm trường lẻ, điểm bản thuộc vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn, từ đó có các giải pháp chuyển đổi vị trí việc làm, giải quyết hợp lý tình trạng thừa thiếu cục bộ, nâng cao trình độ và năng lực chuyên môn.

- Thực hiện việc kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp tình hình, kết quả triển khai thực hiện Đề án Đề án tăng cường tiếng Việt giai đoạn trên địa bàn tỉnh, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan theo quy định.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo bố trí, cân đối nguồn ngân sách trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện các chương trình, đề án, dự án nhằm tăng cường cơ sở vật chất cho các đơn vị giáo dục theo lộ trình triển khai Đề án tăng cường tiếng Việt giai đoạn 2 phù hợp với quy hoạch, kế hoạch, chương trình dự án phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, thẩm định nguồn kinh phí triển khai thực hiện Đề án trước khi trình cấp có thẩm quyền giao dự toán; hướng dẫn các đơn vị sử dụng kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

3. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các xã, phường trên cơ sở số lượng người làm việc và được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tham mưu UBND tỉnh giao đảm bảo số lượng người làm việc cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập, trong đó ưu tiên các trường mầm non, tiểu học trên địa bàn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhằm thực hiện có hiệu quả Đề án. Rà soát, kiện toàn, sắp xếp mạng lưới các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập theo hướng tinh gọn, hợp lý nhằm tăng hiệu quả, nâng cao chất lượng giáo dục của tỉnh.

4. Công tác tuyên truyền

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan truyền thông phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các xã, phường tăng cường công tác truyền thông tạo đồng thuận xã hội về triển khai giai đoạn 2 của Đề án.

- Thiết kế và triển khai các chương trình phát thanh tăng cường tiếng Việt trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm hỗ trợ cho cha, mẹ trẻ và cộng đồng trong việc tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ cho trẻ em.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo chủ động, tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức toàn xã hội về Đề án, xây dựng các phóng sự, chuyên đề về Đề án tăng cường tiếng Việt.

5. Trường Đại học Tây Bắc, Trường Cao đẳng Sơn La

- Đưa nội dung giáo dục tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học người DTTS vào chương trình đào tạo giáo viên mầm non, tiểu học của đơn vị theo quy định.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho giáo viên mầm non, tiểu học để dạy trẻ mầm non, học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ; tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên mầm non, tiểu học thực hiện giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ, hỗ trợ kỹ thuật đối với giáo dục song ngữ, tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ mầm non, học sinh tiểu học.

6. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả, chất lượng Đề án phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục tiểu học, quan tâm chất lượng ngôn ngữ của trẻ dưới 5 tuổi; chú trọng chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi thích ứng với hoạt động học tập ở trường tiểu học.

- Đầu tư cơ sở vật chất, bổ sung thay thế trang thiết bị dạy học theo hướng trọng tâm, bám sát nhu cầu thực tiễn, hạn chế tối đa tình trạng đầu tư dàn trải, lãng phí. Phát huy tính chủ động, tự chủ trong việc đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ việc tổ chức thực hiện Đề án.

- Chỉ đạo các đơn vị trường học trên địa bàn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tham vấn, rà soát, xem xét các điều kiện của địa phương để tổ chức các hoạt động giáo dục song ngữ, tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ phù hợp với chương trình giáo dục mầm non, tiểu học và điều kiện thực tiễn.

- Thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, góp phần giải quyết nhu cầu về đầu tư cơ sở vật chất phục vụ công tác tăng cường tiếng Việt cho các trường, lớp mầm non, trường tiểu học học theo quy định.

- Phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể trên địa bàn xã/phường rà soát đầu tư xây dựng, hoàn thiện cơ sở vật chất trường, lớp; bổ sung thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi, học liệu... phù hợp với tình hình thực tế của các trường mầm non, tiểu học có trẻ em, học sinh người DTTS trên địa bàn. Bố trí ngân sách thực hiện lồng ghép các nguồn vốn, chương trình mục tiêu, xã hội hóa để thực hiện Đề án đảm bảo quy định, hiệu quả.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc kiểm tra, giám sát, đánh giá, tình hình triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn xã/phường.

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo tham mưu với Chính phủ:

1. Bổ sung đủ biên chế giáo viên đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

2. Chỉ đạo thực hiện chủ trương tinh giản biên chế cần quan tâm đến tính đặc thù của từng ngành, lĩnh vực, nhất là từng cấp học trong Ngành Giáo dục, đảm bảo định mức GV/nhóm, lớp của cấp học mầm non (*đặc biệt là ở miền núi, vùng khó có nhiều điểm lẻ và lớp ghép*).

3. Ban hành văn bản hướng dẫn địa phương trong việc hợp đồng giáo viên theo thời vụ. Bổ sung nhân viên Y tế trường học đối với các trường mầm non.

4. Bổ sung chế độ chính sách cho giáo viên vùng ĐBKK dạy tăng cường tiếng Việt, lớp ghép tại khu trung tâm trường. Tăng mức hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP cho học sinh để phù hợp với tình hình kinh tế xã hội hiện nay.

5. Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung của Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số” trong giai đoạn tiếp theo, đảm bảo tính bền vững và hiệu quả lâu dài.

6. Rà soát, bổ sung, hoàn thiện hệ thống tài liệu, học liệu phù hợp với đặc điểm vùng miền và ngôn ngữ dân tộc; phát triển học liệu số, tài liệu song ngữ hỗ trợ việc học tiếng Việt cho trẻ em dân tộc thiểu số.

7. Tiếp tục tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giáo viên về phương pháp dạy học tiếng Việt như ngôn ngữ thứ hai.

8. Có cơ chế ưu tiên về đầu tư, phân bổ kinh phí, đặc biệt là hỗ trợ nguồn lực cho các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Trên đây là Báo cáo tổng kết thực hiện Đề án "Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non và tiểu học người dân tộc thiểu số" giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025. UBND tỉnh Sơn La trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Tài chính;
- Sở Nội vụ;
- Sở Dân tộc và Tôn giáo;
- Trường Đại học Tây Bắc;
- Trường Cao Đẳng Sơn La;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu VT, KGVX, Đại.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Tráng Thị Xuân